CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2025

CTCP Đầu tư Phát triển nhà và Đô thị Vinahud

Ngày 31/12/2025	4,200 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	5.0%	-	-

DT thuần
Q4/25
9.73
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 2.14| 28.3%
YoY: ▼13.3| -57.7%

LN thuần
Q4/25
-31.5
tỷ VNĐ
QoQ: ▼9.60| -43.6%
YoY: ▲ 2.90| 8.6%

LN sau thuế
Q4/25
-32.0
tỷ VNĐ
QoQ: ▼9.60| -43.0%
YoY: ▼15.4| -93.0%

Tỷ suất lãi EBIT
2025
-98.8%
YoY: +/-▼ 116%

ROE
2025
-308%
YoY: +/-▼ 215%

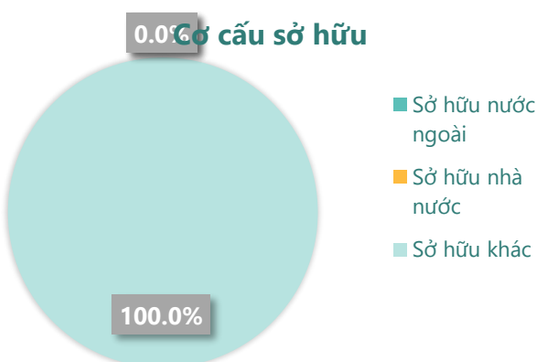
Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	3,600 - 11,800
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	160
Số lượng CPLH (CP)	38,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	1,080
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	0.85
EPS	-2,804
P/E	-1.5

DT thuần
2025
39.3
tỷ VNĐ
YoY: ▼156| -79.8%

LN thuần
2025
-105
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 68.0| 39.3%

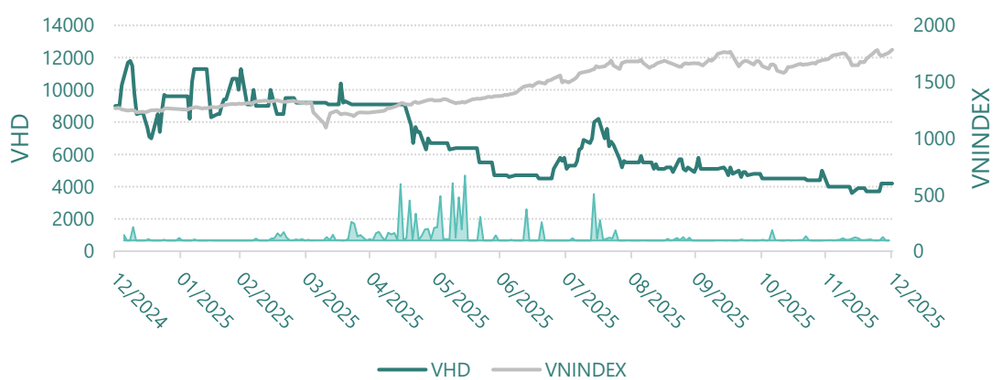
LN sau thuế
2025
-107
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 49.0| 31.5%

Cơ cấu sở hữu

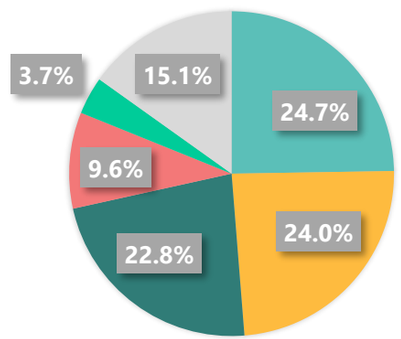


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

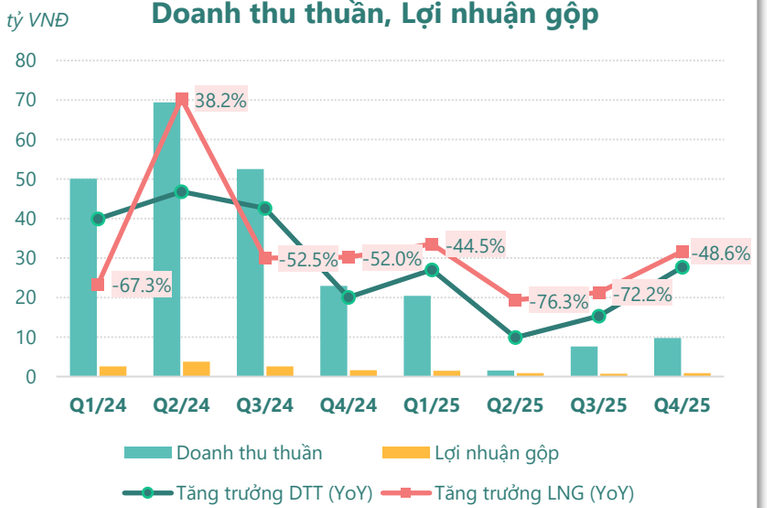


- Trương Quang Minh (Chủ tịch HĐQT)
- Nguyễn Đình Ngôn
- Nguyễn Hồ Nam
- Vũ Nam Chung
- Huỳnh Dương Thị Diễm Chi
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

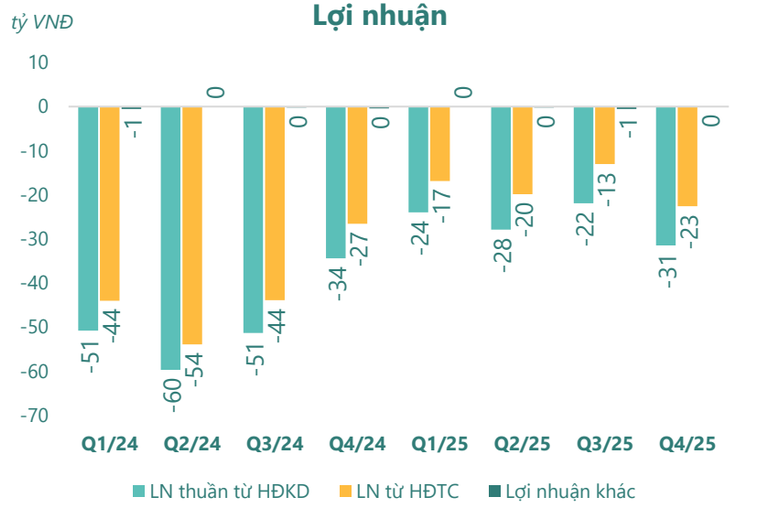
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



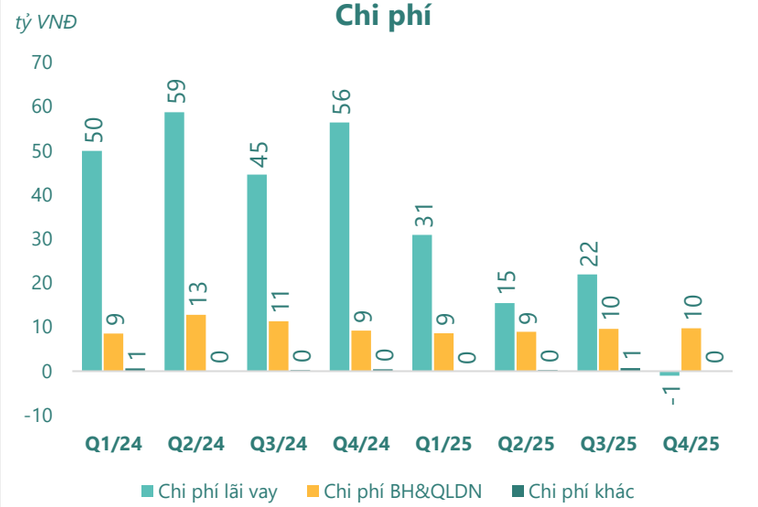
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



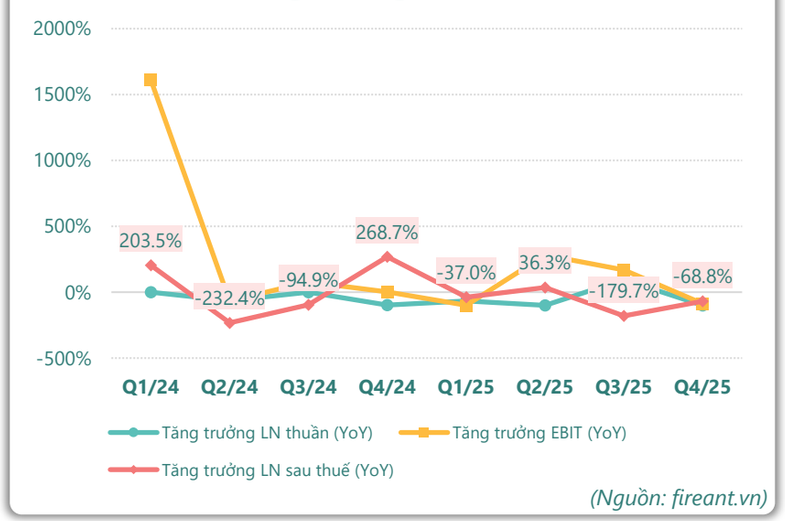
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



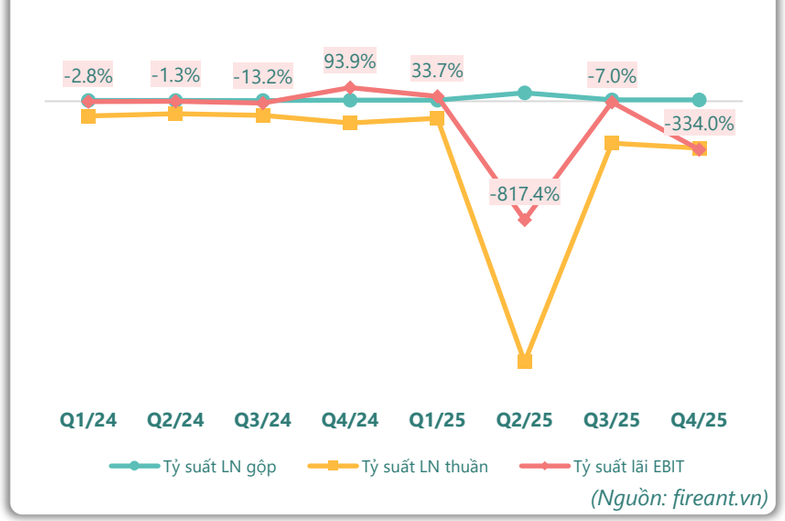
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



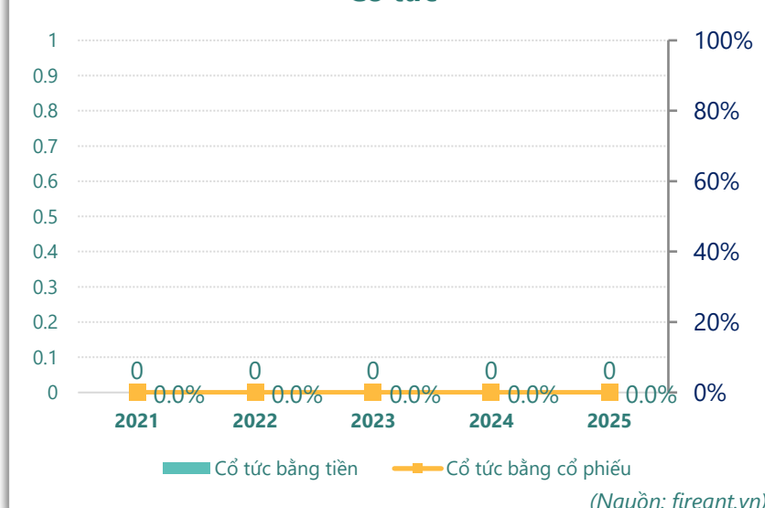
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

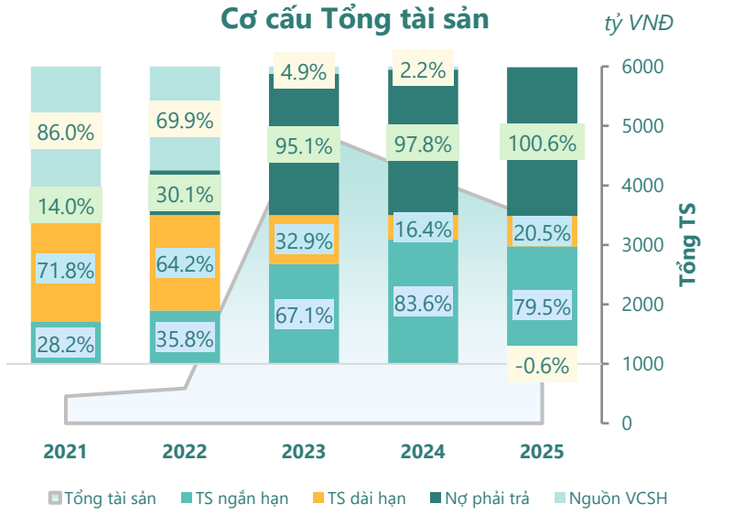
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

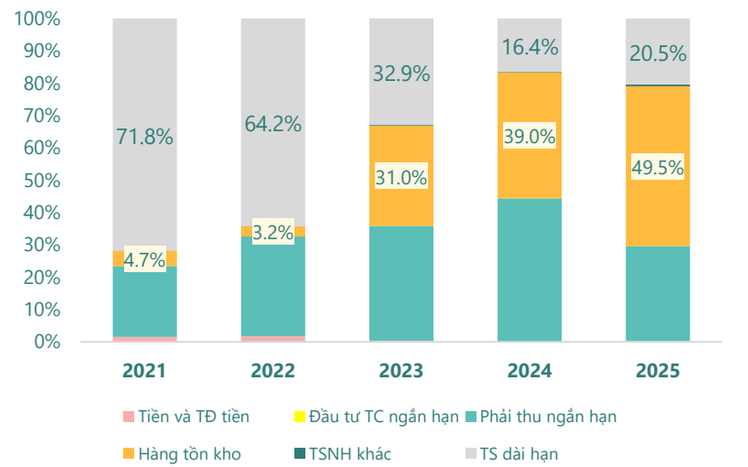
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



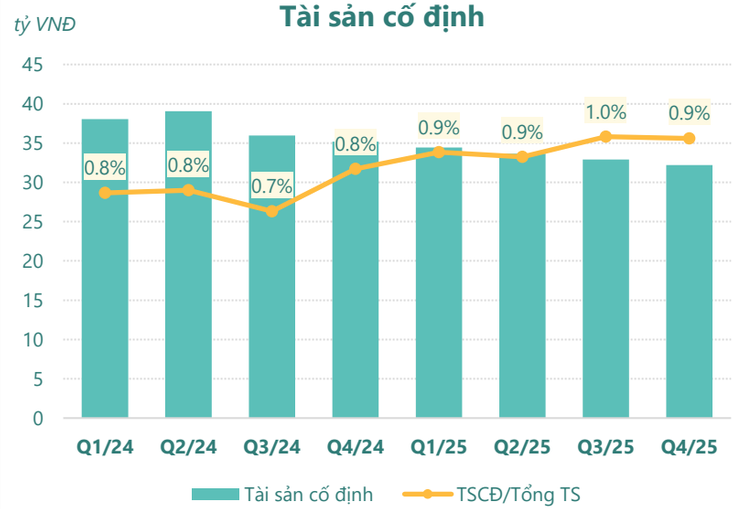
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



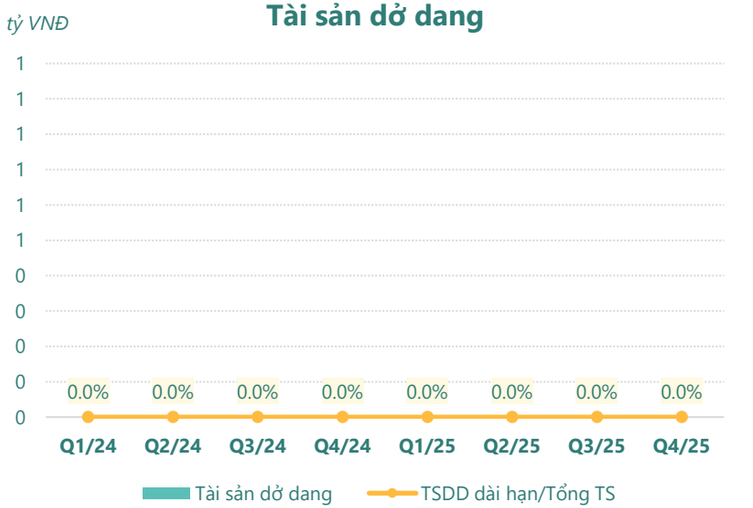
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



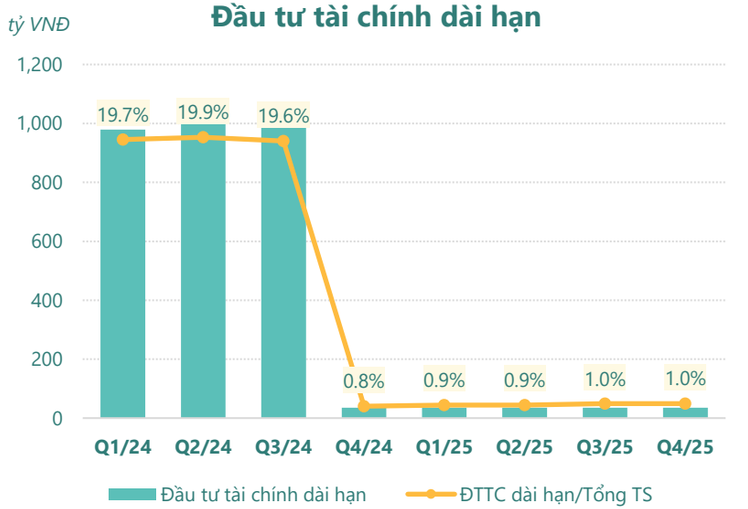
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



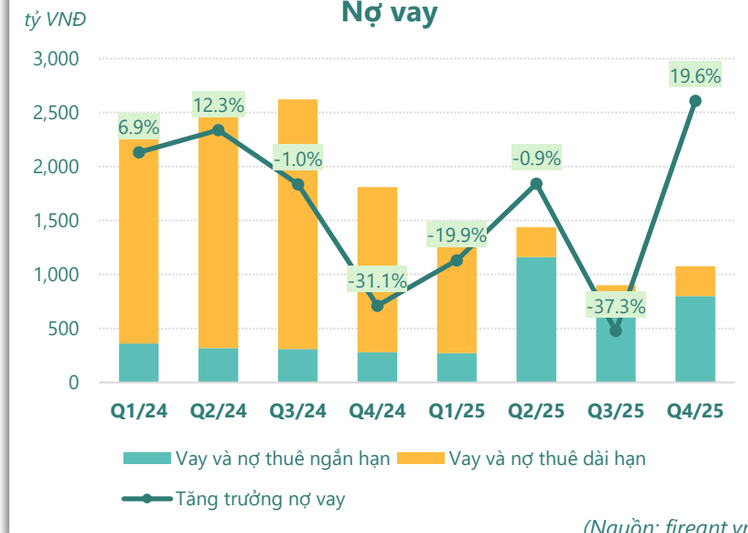
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

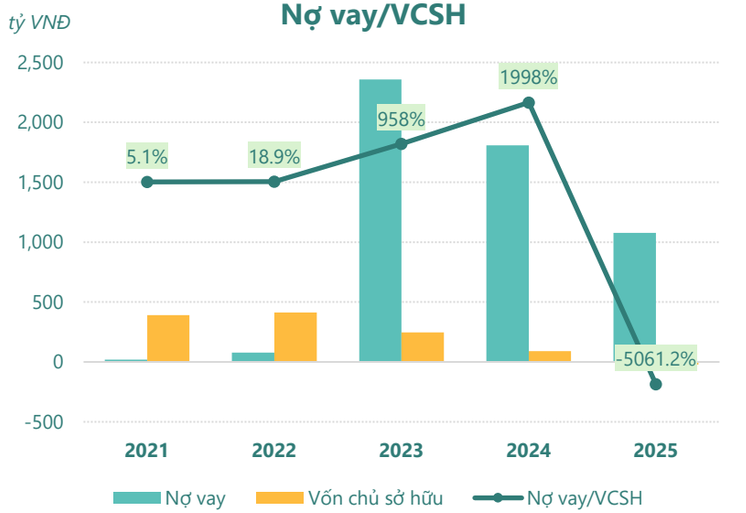
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



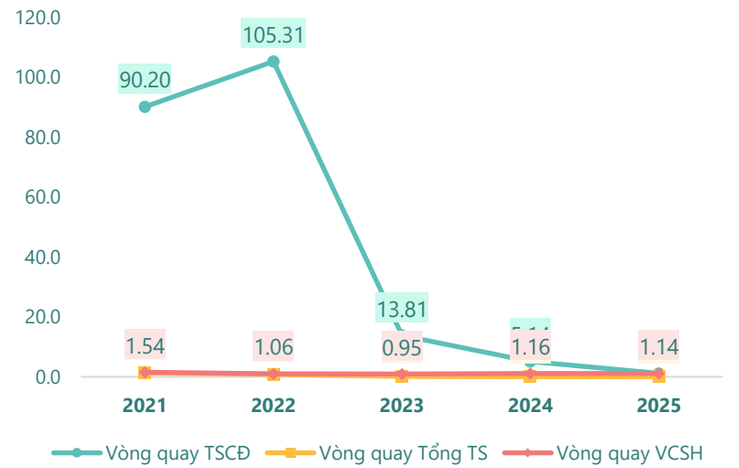
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



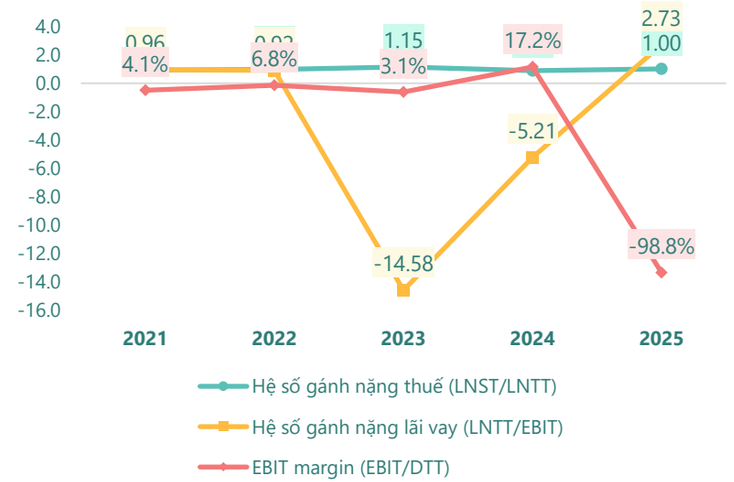
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



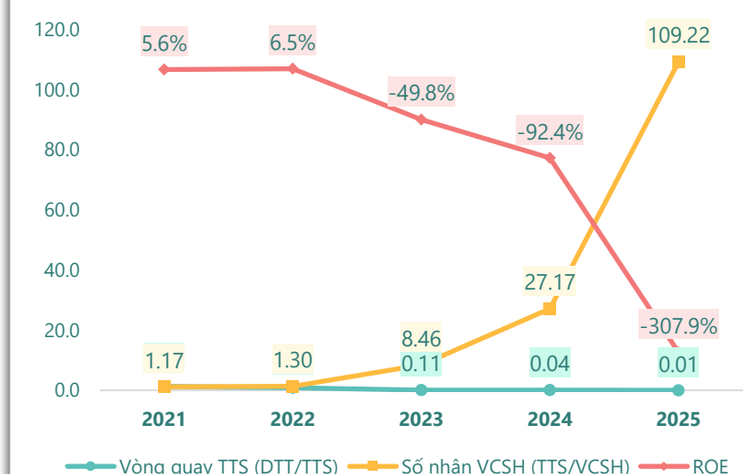
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



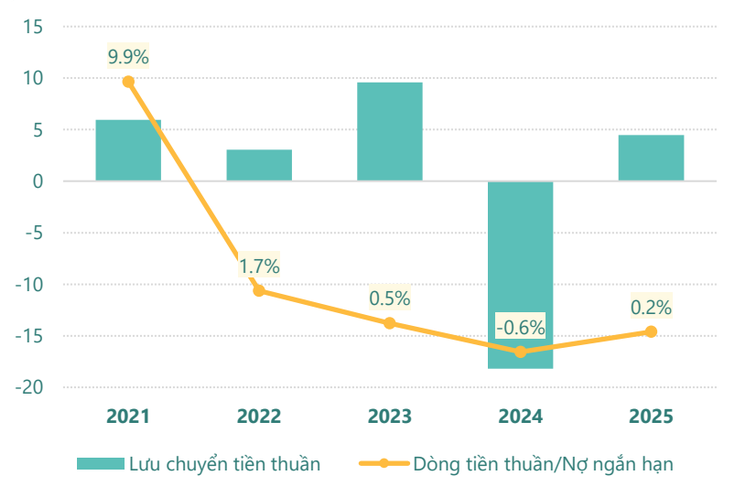
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/25	Q4/24	Thay đổi YoY	2025	2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**9.73**	**23.0**	**-57.7%**	**39.3**	**195**	**-79.8%**
Giá vốn hàng bán	8.89	21.3	-58.3%	35.4	185	-80.8%
Lợi nhuận gộp	0.85	1.65	-48.5%	3.89	10.3	-62.3%
Doanh thu HĐTC	-0.21	186	-100%	22.4	170	-86.8%
Chi phí TC	22.4	213	-89.5%	94.7	316	-70.0%
Chi phí lãi vay	-1.00	56.4	-102%	67.2	208	-67.7%
LN trong công ty LKLD	**0**	**-0.22**	**100%**	**0**	**4.05**	**-100%**
Chi phí bán hàng	0.11	0.00		0.36	0.32	14.8%
Chi phí QLDN	**9.63**	**9.22**	**4.4%**	**36.5**	**41.4**	**-12.0%**
LN thuần từ HĐKD	-31.5	-34.4	8.6%	-105	-173	39.3%
Lợi nhuận khác	**-0.06**	**-0.42**	**86.5%**	**-0.85**	**-1.23**	**31.4%**
LN trước thuế	-31.5	-34.8	9.5%	-106	-175	39.3%
Lợi nhuận sau thuế	**-32.0**	**-16.6**	**-93.0%**	**-107**	**-156**	**31.5%**
LNST của CĐ cty mẹ	**-32.0**	**-16.6**	**-93.0%**	**-107**	**-156**	**31.5%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-272	14.7	10.4	-49.1	165	78.3
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	1.63	1,081	0.51	412	342	-442
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	276	-1,106	-7.03	-364	-505	365
Tiền đầu kỳ	4.92	11.1	1.31	5.16	3.13	4.45
Lưu chuyển tiền thuần	**6.20**	**-9.81**	**3.85**	**-1.97**	**1.32**	**1.27**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	11.1	1.31	5.16	3.13	4.45	5.72

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**3,392**	**4,170**	**-18.7%**
Tài sản ngắn hạn	2,698	3,485	-22.6%
Tiền và tương đương tiền	5.72	1.25	359%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0.29	0.29	0.0%
Phải thu ngắn hạn	998	1,848	-46.0%
Hàng tồn kho	1,677	1,628	3.0%
Tài sản ngắn hạn khác	16.2	7.76	109%
Tài sản dài hạn	**694**	**684**	**1.4%**
Phải thu dài hạn	145	145	0.0%
Tài sản cố định	32.2	35.2	-8.5%
Bất động sản đầu tư	9.36	10.3	-9.2%
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	35.0	35.0	0.0%
Tài sản dài hạn khác	**472**	**318**	**48.8%**
Lợi thế thương mại	0	141	-100%
Nợ phải trả	3,413	4,079	-16.3%
Nợ ngắn hạn	**2,902**	**2,905**	**-0.1%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	801	934	-14.2%
Phải trả người bán ngắn hạn	82.4	153	-46.2%
Nợ dài hạn	511	1,174	-56.5%
Vay và nợ thuê dài hạn	276	874	-68.4%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**-21.3**	**90.5**	**-124%**
Vốn chủ sở hữu	**-21.3**	**90.5**	**-124%**
Vốn điều lệ	380	380	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)